

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC VÀ VĂN HÓA BẢN ĐỊA CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM ĐỐI VỚI SỰ HÌNH THÀNH CÁC CHUẨN MỰC ĐẠO ĐỨC CỦA NGƯỜI VIỆT

*PATRIOTISM AND INDIGENOUS CULTURE OF THE VIETNAMESE NATION WITH
THE FORMATION OF VIETNAMESE ETHICAL STANDARDS*

NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN^(*)

TÓM TẮT: Chuẩn mực đạo đức của người Việt trong lịch sử có những biểu hiện của sự lựa chọn về mặt đạo đức của con người và cách thể hiện triết lý đạo đức của người Việt Nam. Đặc điểm này có sự định hình từ chủ nghĩa yêu nước và văn hóa bản địa truyền thống của dân tộc Việt Nam, tạo thành những quy tắc được ghi nhận bằng lời, bằng các biểu trưng để dựa vào đó xã hội định hướng hành vi của các thành viên.

Từ khóa: chuẩn mực đạo đức; chủ nghĩa yêu nước; văn hóa bản địa.

ABSTRACT: The Vietnamese ethical standards in history have shown manifestations of human moral choice and the expression of the ethical philosophy of the Vietnamese people. This feature takes shape from the patriotism and traditional indigenous culture of the Vietnamese Nation, forming rules recognized by words, by symbols on which the society orients behaviors of its members.

Key words: ethical standards; patriotism; the indigenous culture.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chuẩn mực đạo đức (Code of Ethics/ Ethical Code) là một quan niệm về chuẩn mực, bao gồm hệ thống các nguyên tắc có ảnh hưởng chi phối hành vi đạo đức được chấp nhận bởi xã hội. Trong sự phát triển của lịch sử cộng đồng người Việt Nam, các chuẩn mực đạo đức được hình thành như là sự tổng hòa của những mong đợi, những yêu cầu, những quy tắc của xã hội được ghi nhận bằng lời, bằng các biểu trưng để dựa vào đó xã hội định hướng hành vi của các thành viên. Nghiên cứu các chuẩn mực đạo đức của người Việt trong bản chất tự nhiên của đạo đức, luân lý, nhân cách, có thể nhận thấy, chuẩn mực đạo đức của người Việt Nam

trong lịch sử có những biểu hiện của sự lựa chọn về mặt đạo đức của con người và cách thể hiện triết lý đạo đức của người Việt Nam. Đặc điểm này có sự định hình từ chủ nghĩa yêu nước và văn hóa bản địa truyền thống của dân tộc Việt Nam.

2. NỘI DUNG

Chủ nghĩa yêu nước là sản phẩm tinh thần cao quý nhất của dân tộc Việt Nam, giữ vị trí chuẩn mực cao nhất của đạo lý và đứng đầu bậc thang giá trị của bản sắc dân tộc. Lịch sử Việt Nam đã thể hiện sức mạnh lớn lao của chủ nghĩa yêu nước, tinh thần dân tộc chân chính trong cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Yêu nước là một trong những tình cảm

^(*) TS. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, duyenussh@gmail.com, Mã số: TCKH24-21-2020

Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh trong khuôn khổ Đề tài mã số B2019-18b-02.

sâu sắc nhất, được củng cố qua hàng nghìn năm lịch sử, mang tính phổ biến của nhân dân các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Tình cảm yêu nước xuất phát từ tình yêu gia đình, yêu quê hương xứ sở, phát triển lên thành chủ nghĩa yêu nước cùng với sự phát triển của ý thức xã hội, trở thành cơ sở lý luận chi phối quan niệm sống, tồn tại và phát triển của cả dân tộc, trong đó có quan điểm đạo đức. Do vậy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mà nội dung là tình yêu và lòng trung thành với tổ quốc, là lòng tự hào về quá khứ và hiện tại của tổ quốc, ý chí bảo vệ những lợi ích của tổ quốc là nền tảng cho các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, xã hội. Hồ Chí Minh đã nói: *“Nhân dân Việt Nam có truyền thống yêu nước nồng nàn. Lịch sử ngàn năm của dân tộc Việt Nam đã ghi những trang oanh liệt của nhân dân trong đấu tranh để xây dựng nước nhà và bảo vệ nền độc lập của tổ quốc mình”* [1, tr.313].

Yêu quê hương, xứ sở, gắn bó trong cộng đồng dân tộc là chuẩn mực đạo đức được người Việt hun đúc từ chủ nghĩa yêu nước. Nền văn minh nông nghiệp lúa nước đã tạo nên sự gắn kết các thành viên trong cộng đồng xã hội với nhau, từ đơn vị gia đình đến làng xã, đến tổ quốc, giữ làng là để giữ nước, việc làng là việc nước. Trong cộng đồng ấy, dân được coi là gốc nước, là tiềm lực to lớn về quân sự và kinh tế để đảm bảo quyền tự chủ và nền độc lập cho đất nước, do vậy, có thương dân, lo cho dân thì cả nước mới chung lòng góp sức tạo sức mạnh. Lịch sử chứng kiến, Trần Quốc Tuấn của thời Trần thế kỷ XIII đề nghị vua Trần “khoan thư sức dân”, nuôi dưỡng sức dân, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân là kế sâu rễ bền gốc, là điều kiện tiên quyết để giữ nước. Tình cảm thương nước, thương nhà, thương người, thương mình, lấy lợi ích chung đặt trên lợi ích riêng, đó là chất keo gắn chặt các thể hệ người

Việt Nam trong cộng đồng gia đình - làng, xã - tổ quốc.

Tình yêu nước còn đưa đến hình thành chuẩn mực đạo đức truyền thống của người Việt, đó là ý thức sâu sắc về độc lập, tự chủ, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia và bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh lịch sử liên tục bị ngoại xâm, nhân dân Việt Nam sớm hình thành ý thức về độc lập, tự chủ, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia. Nguyễn Trãi viết *“Bình Ngô đại cáo”* khẳng định nền văn hiến của Đại Việt ta từ trước, núi sông bờ cõi đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Hồ Chí Minh trong *Tuyên Ngôn độc lập* cũng chỉ rõ: Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy. Người viết: *“Tôi khuyên đồng bào đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi. ...Trong mấy triệu người cũng có người thế này thế khác, nhưng thế này hay thế khác đều dòng dõi của tổ tiên ta. Vậy nên ta phải khoan hồng đại độ. Ta phải nhận rằng đã là con Lạc cháu Hồng thì ai cũng có ít hay nhiều lòng ái quốc. Đối với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ. Có như thế mới thành đại đoàn kết, có đại đoàn kết thì tương lai chắc sẽ vẻ vang”* [1, tr.280-281]. Nhận thức rõ chân lý “đoàn kết là sức mạnh” trong suốt tiến trình giữ vững nền độc lập của dân tộc, nhân dân ta đã biến tinh thần đoàn kết ấy thành động lực kết nối toàn thể dân tộc vào một khối thống nhất, tạo nguồn sức mạnh vật chất phi thường. Sức mạnh ấy không chỉ được hô hào, ngưng đọng trong tâm tư, tình cảm của nhân dân, mà được thực thi cụ thể bằng hành động với những thành tựu thu được trong lao động sản xuất và chiến đấu chống xâm lược và xây dựng đất nước thời bình.

Yêu nước, yêu thương con người chính là cơ sở để hành động, để giữ cho dân tộc không bị đồng hóa về tư tưởng và văn hóa, *“đánh cho đẽ răng đen, đánh cho đẽ dài tóc”* như quan điểm của Quang Trung - Nguyễn Huệ. Ý thức

ấy bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc mình khiến các vua chúa triều Trần “*xuống chiếu cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo người phương Bắc và bắt chước tiếng nói của các nước Chiêm, Lào*” [2, tr.158], Trần Bình Trọng trong lúc cận kề cái chết vẫn khẳng định: Ta thà làm ma nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc. Trong khi bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc, các thế hệ người Việt Nam không cô lập, kỳ thị mà tiếp thu những cái hay, cái đẹp của nền văn hóa khác, góp phần làm giàu bản sắc dân tộc. Xuất phát từ vị trí địa lý, lãnh thổ của đất nước, ngay từ buổi đầu dựng nước, tư tưởng của người Việt nói chung đã chịu ảnh hưởng của nhiều trào lưu văn minh, văn hóa khác nhau trên thế giới như Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Thiên chúa giáo.... Tuy nhiên, so với các quốc gia khác trên thế giới, các nền văn hóa, tôn giáo bên ngoài du nhập Việt Nam khá thuận lợi, hòa bình. Trong lịch sử phát triển của dân tộc ta, hiện tượng những tôn giáo lớn khi du nhập Việt Nam bị bản địa hóa theo tín ngưỡng, lối sống và cách tư duy của người Việt Nam không phải là điều hiếm gặp. Cách thức tư duy mềm dẻo, hài hòa đã trở thành nhân tố quan trọng quy định chuẩn mực ứng xử, lối sống, nhân sinh quan của cư dân Việt trong lịch sử. Đó là lối sống hài hòa, dung hợp, chấp nhận các yếu tố trái ngược nhau trên nguyên tắc cùng tồn tại, không bài trừ nhau. Điều này bắt nguồn từ thái độ khoan dung và linh hoạt trong cách tiếp nhận văn hóa từ bên ngoài của người Việt. Dưới tác động của điều kiện tự nhiên và xã hội, trong tiến trình lịch sử của mình, dân tộc Việt Nam đã nhiều lần tiếp nhận các học thuyết triết học, chính trị và tôn giáo từ bên ngoài vào. Trong các cuộc giao lưu văn hóa đó, tư tưởng đạo đức của người Việt tiếp thu có chọn lọc những giá trị đạo đức “từ, bi, hỷ, xả”, “cứu nhân độ thế” của Phật giáo, chuẩn mực đạo đức “nhân - trí - dũng” của Nho giáo, lối sống hòa hiếu và hòa hợp với thiên nhiên của Đạo giáo... Trong khi đó, đạo Công giáo - một

tôn giáo có nguồn gốc từ phương Tây được du nhập vào nước ta, buổi đầu đã không thể phát triển mạnh mẽ như Phật giáo, Nho giáo hay Đạo giáo, nhưng càng về sau, khi đạo Công giáo đã chứng minh được những giá trị tích cực của nó, đạo Công giáo nói riêng và văn hóa phương Tây nói chung đã được tiếp thu và dần có những ảnh hưởng nhất định đến đời sống tinh thần của người Việt. Với sự mềm dẻo, biện chứng vốn có trong tâm thức của cư dân nông nghiệp vùng lúa nước, người dân đã tự tìm cho mình con đường chuyển hóa linh hoạt, tiếp nhận những giá trị có ích của văn hóa phương Tây, đồng thời biến đổi chúng cho phù hợp với lối sống của mình. Đây cũng là một yếu tố góp phần củng cố những chuẩn mực đạo đức của người Việt. Người Việt không tiếp thu nguyên xi, mà biết bản địa hóa, linh hoạt và phát huy những cái hay, cái tiến bộ của từng tôn giáo trong cuộc sống, làm cho các tôn giáo hỗ trợ, bổ sung mà không mâu thuẫn với nhau. Do đó, trong quá trình xâm nhập và bị bản địa hóa, các giá trị văn hóa ngoại lai du nhập Việt Nam có thể “chung sống” hòa bình với nhau, hòa cùng văn hóa bản địa của cư dân người Việt. Những giá trị đó nằm ngoài tính xung đột gay gắt, đồng thời được dung hòa, điều chỉnh bởi các chuẩn mực về đạo đức, trong đó lợi ích cộng đồng, quốc gia, dân tộc là chuẩn mực cao nhất. Nhờ đó, các chuẩn mực đạo đức này tiếp tục được hun đúc bởi tính cố kết cộng đồng và lối sống tình cảm của người dân. Chính vì vậy, khoan dung văn hóa, khoan dung tôn giáo, hội nhập nhưng không hòa tan, không bị đồng hóa tư tưởng và văn hóa cũng là những chuẩn mực đạo đức đáng trân trọng được hình thành từ khá sớm trong lịch sử của dân tộc Việt Nam.

Quá trình lao động sản xuất và thích nghi với điều kiện tự nhiên đã dẫn đến sự hình thành những quan niệm về thế giới xung quanh, về xã hội và về con người của người Việt trong lịch sử. Những quy tắc, chuẩn mực xã hội được người Việt Nam tạo dựng nhằm điều chỉnh

cách đánh giá và cách ứng xử của con người trong quan hệ với tự nhiên và quan hệ với xã hội sao cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng xã hội. Những quy tắc, chuẩn mực này được đúc kết thành các nguyên tắc làm nên chuẩn mực đạo đức của người Việt như yêu lao động sản xuất, trọng tình nghĩa cũng như rất cần cù, sáng tạo trong lao động và giản dị, tiết kiệm trong cuộc sống. Những giá trị này cùng với các giá trị: yêu nước, thương nòi, kiên cường, bất khuất, đoàn kết, tự lực, tự cường... làm nên hệ giá trị cốt lõi, chuẩn mực định hướng cho tư tưởng đạo đức của người Việt.

Trên một địa bàn đất đai nhỏ hẹp, sản xuất nông nghiệp khó khăn, thiên nhiên khắc nghiệt, lại luôn bị nạn ngoại xâm trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân Việt Nam sớm có tinh thần yêu lao động sản xuất, hiếu học. Con người Việt Nam là con người ham học hỏi. Dù là ở thời đại nào, con người Việt Nam luôn biết làm giàu bản thân mình thông qua việc tiếp nhận tri thức, kinh nghiệm từ các thế hệ trước đó, từ những người xung quanh, từ thực tiễn sản xuất, chiến đấu và từ sự tự lực học tập. Hệ thống đề điều hùng vĩ trên dải đất dày đặc các con sông và bị chi phối bởi khí hậu nhiệt đới gió mùa, cách thức mưu sinh đánh giặc thắng lợi của dân tộc hơn ngàn năm lịch sử giữ nước... là minh chứng lịch sử quan trọng nói lên sự cần cù, sáng tạo của dân tộc ta. Hiếu học và coi trọng người thầy cũng là chuẩn mực đạo đức được người Việt Nam từ xa xưa cho đến nay rất trân trọng. Người Việt quý mến và luôn ghi nhớ đến công lao người thầy theo tinh thần “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, “muốn sang thì bắc cầu kiều, muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy”. Còn ở phương diện đối nhân xử thế, người Việt luôn coi trọng chữ tình, không chỉ là sống phải có trước, có sau, phải chí nghĩa, chí tình, mà còn không được làm gì tổn hại đến mối quan hệ này “Đói lòng mà vẫn chơi se, miễn sao được bụng bạn bè mới thôi”. Trong các mối quan hệ giữa cá nhân với cá

nhân, cá nhân với cộng đồng, xã hội, thì yêu cầu mà dư luận xã hội đặt ra là các cá nhân sống trong xã hội phải giữ lấy mình, không làm điều gì tổn hại đến lợi ích, danh dự của bản thân cũng như gia đình, dòng họ hay cộng đồng, xã hội. Những ai làm được điều tốt, có nhân, có nghĩa sẽ được ngợi ca, được xem như là tấm gương để mọi người xung quanh học hỏi, noi theo. Nếu con trong gia đình mà làm được, có tài, có đức hơn cha thì được xem là “nhà có phúc”, hoặc con cái thì phải luôn ghi nhớ công ơn cha mẹ. Đặc biệt, con người Việt Nam dù trong hoàn cảnh nào cũng phải hết sức giữ gìn phẩm giá của mình, phải “Đói cho sạch, rách cho thơm”, đối với với nhau cũng phải nhẹ nhàng, đôn đoan suy nghĩ trước sau “ăn có nhai, nói có nghĩ”, vừa là để không làm tổn thương nhau, vừa nhằm giáo dục con người sống ngày càng tốt hơn, đề cao phẩm giá của con người. Chuẩn mực trung thực, tiết kiệm cũng là những phẩm chất đạo đức của con người Việt Nam từ trước tới nay. Trong đó, trung thực là một trong những đặc trưng cơ bản tạo nên bản chất đạo đức của con người, nó luôn được người dân Việt Nam coi trọng, đề cao, coi đó là một trong những tiêu chuẩn, nguyên tắc để đánh giá đạo đức, nhân cách con người, là một trong những yếu tố quan trọng nhất hình thành nên chữ “tín” trong đời sống xã hội. Nhờ có tính trung thực mà con người tạo dựng niềm tin, xử lý tốt các quan hệ xã hội hiện có cũng như sẵn sàng đón nhận và vượt qua mọi khó khăn, khẳng định bản thân mình trong cộng đồng, xã hội. Còn cần cù, tiết kiệm thể hiện ở tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách trong lao động, trong hoạt động sản xuất ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội cũng như biết chắt chiu, sử dụng các thành quả lao động do chính mình làm ra một cách hợp lý của nhân dân ta. Trong khi cần cù, siêng năng trong lao động, trong thực hiện có hiệu quả nội dung công việc một cách hợp lý nhất có thể nhằm tạo ra nhiều của cải, vật chất phục vụ cho nhu cầu

của cá nhân và cộng đồng, xã hội, thì tiết kiệm để phòng khi thiên tai, địch họa, con người vẫn có cái để mà sử dụng. Tất cả làm nên các chuẩn mực đạo đức trọng nghĩa tình, nhân hậu, thủy chung, hào hiệp... và cao hơn nữa là chủ nghĩa nhân đạo, nhân văn.

Kể thừa có chọn lọc những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và tinh hoa văn hóa của nhân loại, mặc dù không để lại những tác phẩm lớn về đạo đức nhưng những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh về đạo đức nằm trong những bài viết, bài nói ngắn gọn, súc tích và qua chính cuộc sống, lao động và học tập của Người. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã khẳng định đạo đức là gốc, là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi như cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông nước. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Quan niệm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hóa mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Người cho rằng có tài mà không có đức là người vô dụng nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Có thể nói, sự thống nhất giữa tư tưởng đạo đức và hành động cách mạng, giữa lý luận và thực tiễn đã trở thành nét đặc trưng nổi bật của đạo đức Hồ Chí Minh. Hồ Chí Minh khẳng định: *“Đạo đức cách mạng không phải từ trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hằng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”* [1, tr.293]. Do vậy, phải rèn luyện và tu dưỡng đạo đức suốt đời, thường xuyên trong mọi hoạt động thực tiễn, từ đời tư đến những sinh hoạt cộng đồng trong mọi mối quan hệ xã hội dựa trên các chuẩn mực đạo đức.

Những chuẩn mực đạo đức Hồ Chí Minh đưa ra với mọi đối tượng xã hội, từ người công nhân đến trí thức, văn nghệ sỹ tới các bậc phụ lão, phụ nữ, thanh niên, thiếu niên, nhi đồng, từ

đồng bào dân tộc đến đồng bào các tôn giáo, nhà tu hành... Nhưng những nội dung đạo đức của cán bộ, đảng viên, hay nói chung là đạo đức công vụ là nội dung chiếm phần chủ yếu nhất trong tư tưởng đạo đức của Người. Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa năm 1946 đã ghi nhận ý tưởng sâu sắc của Hồ Chí Minh về thiết lập một nền công vụ mạnh mẽ, sáng suốt của dân, hoạt động vì nhân dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân, đó là một nền công vụ hiện đại, dân chủ, có hiệu lực từ trung ương đến cơ sở. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, công chức là công bộc, có bổn phận phục vụ nhân dân, vì thế đạo đức công chức thể hiện tính dân chủ trong công vụ mà công chức thực hiện đối với nhân dân. Đạo đức công chức thể hiện qua những hành động cụ thể, qua công việc hằng ngày của người cán bộ công chức nhằm thực hiện các chuẩn mực đạo đức cụ thể. Đạo đức người cách mạng không phải là những giáo điều suông, mà là đạo đức của hành động, lời nói phải đi đôi với việc làm, nêu gương làm việc tốt, khắc phục thói hư, tật xấu. Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức công vụ được thể hiện trong những nguyên tắc đạo đức, chuẩn mực nhất định, đó là: 1) Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; 2) Phải có tinh thần trách nhiệm cao; 3) Chấp hành nghiêm kỷ luật và có tinh thần sáng tạo trong thi hành công vụ; 4) Có ý chí cầu tiến bộ, luôn luôn phấn đấu trong công việc; 5) Có tinh thần thân ái, hợp tác với đồng nghiệp.

Tiếp đến, để thích ứng với điều kiện và tình hình mới, năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh 76/SL ngày 20-5-1950 ban hành Quy chế công chức Việt Nam. Tại lời nói đầu, nội dung về công chức và đạo đức công vụ đã được thể hiện cụ thể: *“Công chức Việt Nam là những công dân giữ một nhiệm vụ trong bộ máy nhà nước của chính quyền nhân dân...”*. Chuẩn mực đạo đức công vụ của cán bộ, công chức Việt Nam được Bác Hồ xác định cô đọng là “cần”, “kiệm”, “liêm”,

“chính”, “chí công vô tư”. Cần là cần cù, siêng năng, chăm chỉ trong học tập, trong lao động, trong chiến đấu và trong sản xuất; cần còn có nghĩa là làm việc có phương pháp, có khoa học và có trí tuệ. Kiệm là tiết kiệm thời gian, tiền bạc, của cải vật chất và tinh thần cho nhân dân, không lãng phí, tiêu dùng hợp lý nhằm mục đích mở rộng sản xuất và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Liêm là liêm khiết, trong sáng, không tham của cải vật chất, địa vị, không tham sung sướng; không nịnh hót kẻ trên và cũng không thích người khác tâng bốc mình. Chính là luôn đấu tranh bảo vệ lẽ phải, lên án những cái xấu, cái sai trái. Chí công là rất mực công bằng, công tâm; vô tư là không được có lòng riêng, thiên tư đối với người, với việc, thắng được chủ nghĩa cá nhân trong công việc, đặt lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân lên hàng đầu. Cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau và với chí công vô tư. Cần, kiệm, liêm, chính sẽ dẫn đến chí công vô tư, và ngược lại, đã chí công vô tư thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính.

Trong giáo dục, xây dựng đạo đức cách mạng cho nhân dân, nhất là cán bộ và đảng viên, Hồ Chí Minh không chỉ nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện *cần, kiệm, liêm,*

chính, mà còn yêu cầu phải tích cực giáo dục đạo đức cách mạng. Giáo dục đạo đức cách mạng không có nghĩa phá bỏ tất cả, mà là phê phán, cải tạo, thay thế những gì cũ kỹ, lạc hậu, tiêu cực gây tác hại xấu đối với sự nghiệp cách mạng và bổ sung những giá trị, chuẩn mực đạo đức mới, hiện đại và phù hợp. Hồ Chí Minh là một tấm gương mẫu mực trong việc tiếp thu những chuẩn mực giá trị đạo đức được đúc kết bởi truyền thống dân tộc để xây dựng hệ thống giá trị đạo đức mới mang tính giai cấp, tính dân tộc trong thời đại mới.

3. KẾT LUẬN

Đoàn kết, gắn bó với quê hương, đất nước, sẵn sàng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc cũng như thương yêu con người, hành động vì lẽ phải, trung thực, cần cù, tiết kiệm; đề cao các giá trị văn hóa, bản sắc dân tộc trở thành những chuẩn mực đạo đức trong truyền thống của dân tộc Việt Nam từ trong lịch sử đến thời đại Hồ Chí Minh. Những chuẩn mực đạo đức đó tạo nên những giá trị tốt đẹp để nhân dân ta vượt qua khó khăn trong cuộc sống cũng như để bảo vệ và xây dựng đất nước, hoàn thiện nhân cách của con người trong thời đại đấu tranh dựng nước, giữ nước cũng như trong thời đại ngày nay - khi chủ nghĩa yêu nước chân chính gắn bó với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hồ Chí Minh (2002), *Toàn tập*, tập 9, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1998), *Đại Việt sử ký toàn thư, dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697)*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 19-10-2020. Ngày biên tập xong: 23-10-2020. Duyệt đăng: 27-11-2020